

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **307/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/7/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hòa Kiều;

2. Ông Châu Vũ Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên;

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Cao Thanh A**, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* **Dương Thùy B**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Cao Thanh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thùy B qua tìm hiểu, tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 22/8/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân nhau không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2020 đến nay.

Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, anh không còn thương chị B nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Thanh C, sinh ngày 09/5/2014 và Cao Vĩnh D, sinh ngày 13/02/2017 hiện đang sống chung với anh A; Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có..

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Dương Thùy B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng chị B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử đúng qui định pháp luật tố tụng;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên hòa giải anh A có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, chị B chưa thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Anh A và chị B qua tìm hiểu, tự nguyện cưới nhau và có đăng ký kết hôn, nay vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại anh chị đã không còn tình cảm, hai người đã sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía chị B không đến tòa và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của anh A. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B; Về con chung cần giao 02 con chung cho anh A tiếp tục nuôi, anh A không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung anh A khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Cao Thanh A và chị Dương Thùy B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 22/8/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Anh Cao Thanh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Dương Thùy B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối

với yêu cầu khởi kiện của anh A nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A, chị B theo qui định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Thanh A đối với chị Dương Thùy B; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân anh A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh A và chị B không hợp nhau trong cách nghĩ, cách sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau do mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống, phía chị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của anh A, điều đó cho thấy chị B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với anh A nên cần xem xét cho anh A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Thanh C, sinh ngày 09/5/2014 và Cao Vĩnh D, sinh ngày 13/02/2017 hiện đang sống chung với anh A. Anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hai cháu C và D hiện đang sống với anh A đã ổn định về chỗ ở cũng như tâm lý, cháu C có ý kiến muốn được tiếp tục sống với anh A khi cha mẹ ly hôn. Chị B không có ý kiến gì, không có tranh chấp xin nuôi con nên cần giao cho anh A tiếp tục nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh A không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B đến khi anh A có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Anh A khai không có.

[6] Về nợ chung: Anh A khai không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Thanh A đối với chị Dương Thùy B;

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Cao Thanh A được ly hôn với chị Dương Thùy B;

1.2. *Về con chung:* Giao hai con chung tên Cao Thị Thanh C, sinh ngày 09/5/2014 và Cao Vĩnh D, sinh ngày 13/02/2017 cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Dương Thùy B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B đến khi anh A có yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung:* Không có;

1.4. *Về nợ chung:* Không có.

2. *Về án phí:* Anh Cao Thanh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004660 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án A sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. *Quyền kháng cáo:* Anh A, chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án A sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án A sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án A sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N1;
- Lưu hồ sơ

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL